

Số: 146/TTtr-UBND

Bù Đăng, ngày 14 tháng 7 năm 2020

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
UBND huyện Bù Đăng kính trình HĐND huyện thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

- Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.
- Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:
 - Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.
 - Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.188.804 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Một ngàn, một trăm tám mươi tám tỷ, tám trăm lẻ bốn triệu đồng).

Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 150.404 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.038.400 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

+ Vốn phân cấp:	200.087 triệu đồng.
+ Vốn sử dụng đất:	738.717 triệu đồng.
+ Vốn các Chương trình MTQG:	250.000 triệu đồng.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

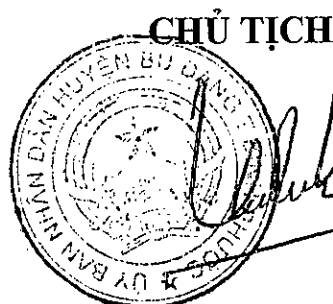
- Lĩnh vực hành chính:	122.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông:	505.738 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục:	458.066 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác:	103.000 triệu đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp, bảng chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)

UBND huyện trình HĐND huyện xem xét, quyết định.

Nơi nhận: *le nh*

- Như kính gửi;
- Các ban HĐND;
- Lưu:VT.



Nguyễn Chanh Bình

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 14 / 7 /2020 của UBND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
1	2	3	4	6	7	11
A	TỔNG SỐ		1.264.916	76.112	1.188.804	
I	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		127.000	5.000	122.000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		17.000	5.000	12.000	
1	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	17.000	5.000	12.000	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		110.000	-	110.000	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		50.000		50.000	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		521.638	15.900	505.738	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		64.438	15.900	48.538	
1	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	1915/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	45.000	7.000	38.000	
2	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.955	900	3.055	
3	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.857	6.000	6.857	
4	Xây dựng đường bê tông nhựa TTHC xã Phước Sơn (đoạn còn lại).	1914/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.626	2.000	626	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		457.200	-	457.200	
1	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10		4.000		4.000	2021
2	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10		6.000		6.000	2021
3	Xây dựng thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC xã Thống Nhất (2,7 km)		6.000		6.000	2021

Handwritten signature

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMBĐT			
4	Xây dựng thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)		14.000		14.000	2021
5	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt		60.000		60.000	
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km		15.000		15.000	
7	Xây dựng đường D1 nối dài đi cụm CNI Minh Hưng dài 5km		25.000		25.000	
8	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km		2.000		2.000	
9	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt 2,5km		10.000		10.000	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong (15km)		30.000		30.000	
11	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết (1km)		2.000		2.000	
12	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)		1.200		1.200	
13	Xây dựng đường quanh hồ Minh Hưng dài 1,2km		20.000		20.000	
14	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhai dài 6km		24.000		24.000	
15	Nâng cấp đường tư QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng dài 2,2km		4.000		4.000	
16	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)		50.000		50.000	
17	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km.		25.000		25.000	
18	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn dài 5 km (giáp trạm thu phí số 01)		7.000		7.000	
19	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo dài 2 km		4.000		4.000	
20	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km		5.000		5.000	
21	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2		43.000		43.000	
22	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung		20.000		20.000	
23	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		5.000		5.000	

Đang

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT			
24	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng		15.000		15.000	
25	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu		45.000		45.000	
26	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000		10.000	
27	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000		5.000	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO		513.278	55.212	458.066	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		145.078	55.212	89.866	
1	Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.617	5.212	4.405	
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	16.800	7.000	9.800	
3	Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh.	1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	6.000	9.000	
4	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	11.000	19.000	
5	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	
6	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	
7	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mầm non Minh Hưng, xã Minh Hưng	1920/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.661	2.000	1.661	
8	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	10.000	20.000	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		368.200	-	368.200	
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, các phòng chức năng, các hạng mục phụ Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10		15.000		15.000	2021
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10		12.000		12.000	2021
3	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất		3.000		3.000	2021
4	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		10.000		10.000	2021

Deal

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
5	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 5) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		600		600	2021
6	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau		6.000		6.000	2021
7	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất		30.000		30.000	2021
8	Xây dựng khu hiệu bộ, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở KTX Trường PTDTNT THCS Điều Ong, thị trấn Đức Phong		30.000		30.000	2022
9	Xây dựng 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	2022
10	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		12.000		12.000	2022
11	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	2022
12	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	2022
13	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Phú, xã Thọ Sơn		4.800		4.800	2022
14	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	2022
15	Xây dựng 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		10.800		10.800	2023
16	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn		10.800		10.800	2023
17	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăk Nhau, xã Đăk Nhau		20.400		20.400	2023
18	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toản, xã Đăk Nhau		14.400		14.400	2023
19	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Phước Sơn		6.000		6.000	2023
20	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn		6.000		6.000	2023
21	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhau		6.000		6.000	2023
22	Xây dựng 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		12.000		12.000	2024
23	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		7.200		7.200	2024

Real

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
24	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH & THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		6.000		6.000	2024
25	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai		6.000		6.000	2024
26	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu		7.200		7.200	2024
27	Xây dựng 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		20.400		20.400	2025
28	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc, xã Đăng Hà		6.000		6.000	2025
29	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Văn Ôn, xã Bom Bo		12.000		12.000	2025
30	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong		13.200		13.200	
31	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức phong		12.000		12.000	
32	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		9.600		9.600	
33	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Kim Đông, xã Đức Liễu		13.200		13.200	
34	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh		9.600		9.600	
35	Xây dựng 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn		7.200		7.200	
36	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất		4.800		4.800	
IV	LĨNH VỰC KHÁC		103.000		103.000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		103.000		103.000	
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đak Woa (giai đoạn II)		30.000		30.000	
2	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng		8.000		8.000	2024
3	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2024
4	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2023
5	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2023

Carle

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2025
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2022
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2024
9	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng		5.000		5.000	2022
10	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000		30.000	2021-2025

Dem

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Bù Đắng, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐẮNG
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng
Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban
nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày tháng
năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương, với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

- Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.
- Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:
- Bố trí vốn để thanh toán nợ động xây dựng cơ bản (nếu có).

- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.188.804 triệu đồng.**

Trong đó:

- TTKL các dự án chuyển tiếp: 150.404 triệu đồng.

- Các dự án khởi công mới: 1.038.400 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

+ Vốn phân cấp: 200.087 triệu đồng.

+ Vốn sử dụng đất: 738.717 triệu đồng.

+ Vốn NSTW, NS tỉnh hỗ trợ: 250.000 triệu đồng.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 122.000 triệu đồng.

- Lĩnh vực giao thông: 505.738 triệu đồng.

- Lĩnh vực giáo dục: 458.066 triệu đồng.

- Lĩnh vực khác: 103.000 triệu đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VI, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập website huyện;
- Lưu: VT.

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
1	2	3	4	6	7	11
A	TỔNG SỐ		1.264.916	76.112	1.188.804	
I	LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH		127.000	5.000	122.000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		17.000	5.000	12.000	
1	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới	1916/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	17.000	5.000	12.000	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		110.000	-	110.000	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	
2	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		50.000		50.000	
3	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	
II	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		521.638	15.900	505.738	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		64.438	15.900	48.538	
1	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)	1915/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	45.000	7.000	38.000	
2	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường DI nối dài	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.955	900	3.055	
3	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.857	6.000	6.857	
4	Xây dựng đường bê tông nhựa TTHC xã Phước Sơn (đoạn còn lại).	1914/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.626	2.000	626	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		457.200	-	457.200	
1	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10		4.000		4.000	2021
2	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10		6.000		6.000	2021
3	Xây dựng thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC xã Thống Nhất (2,7 km)		6.000		6.000	2021

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
4	Xây dựng thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)					
5	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt		14.000		14.000	2021
6	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km		60.000		60.000	
7	Xây dựng đường D1 nối dài đi cụm CN1 Minh Hưng dài 5km		15.000		15.000	
8	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km		25.000		25.000	
9	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt 2,5km		2.000		2.000	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong (15km)		10.000		10.000	
11	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết (1km)		30.000		30.000	
12	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)		2.000		2.000	
13	Xây dựng đường quanh hồ Minh Hưng dài 1,2km		1.200		1.200	
14	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đắc Nhau dài 6km		20.000		20.000	
15	Nâng cấp đường tư QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng dài 2,2km		24.000		24.000	
16	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)		4.000		4.000	
17	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km		50.000		50.000	
18	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn dài 5 km (giáp trạm thu phí số 01)		25.000		25.000	
19	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo dài 2 km		7.000		7.000	
20	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km		4.000		4.000	
21	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2		5.000		5.000	
22	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung		43.000		43.000	
23	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		20.000		20.000	
			5.000		5.000	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
24	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng		15.000		15.000	
25	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu		45.000		45.000	
26	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000		10.000	
27	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000		5.000	
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		513.278	55.212	458.066	
1	Xây dựng khối 10 phòng học lâu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	145.078	55.212	89.866	
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.617	5.212	4.405	
3	Xây dựng Trường THCS Bình Minh.	1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	16.800	7.000	9.800	
4	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	6.000	9.000	
5	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	11.000	19.000	
6	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	
7	Xây dựng 04 phòng học lâu Trường Mầm non Minh Hưng, xã Minh Hưng	1920/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	
8	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.661	2.000	1.661	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		368.200	-	368.200	
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, các phòng chức năng, các hạng mục phụ Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10		15.000		15.000	2021
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10		12.000		12.000	2021
3	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất		3.000		3.000	2021
4	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		10.000		10.000	2021

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT			
5	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 5) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		600		600	2021
6	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau		6.000		6.000	2021
7	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất		30.000		30.000	2021
8	Xây dựng khu hiệu bộ, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở KTX Trường PTDTNT THCS Điều Ong, thị trấn Đức Phong		30.000		30.000	2022
9	Xây dựng 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	2022
10	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		12.000		12.000	2022
11	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	2022
12	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	2022
13	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Phú, xã Thọ Sơn		4.800		4.800	2022
14	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	2022
15	Xây dựng 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		10.800		10.800	2023
16	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn		10.800		10.800	2023
17	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăk Nhau, xã Đăk Nhau		20.400		20.400	2023
18	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		14.400		14.400	2023
19	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Phước Sơn		6.000		6.000	2023
20	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Võ Trường Toàn, xã Phước Sơn		6.000		6.000	2023
21	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhau		6.000		6.000	2023
22	Xây dựng 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		12.000		12.000	2024
23	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		7.200		7.200	2024

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMBT			
24	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH & THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		6.000		6.000	2024
25	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai		6.000		6.000	2024
26	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu		7.200		7.200	2024
27	Xây dựng 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		20.400		20.400	2025
28	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc, xã Đăng Hà		6.000		6.000	2025
29	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Văn On, xã Bom Bo		12.000		12.000	2025
30	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong		13.200		13.200	
31	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức phong		12.000		12.000	
32	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		9.600		9.600	
33	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu		13.200		13.200	
34	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh		9.600		9.600	
35	Xây dựng 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn		7.200		7.200	
36	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất		4.800		4.800	
IV	LĨNH VỰC KHÁC					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		103.000		103.000	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		103.000		103.000	
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đăk Woa (giai đoạn II)		30.000		30.000	
2	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng		8.000		8.000	2024
3	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2024
4	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2023
5	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2023

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT			
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2025
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2022
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	2024
9	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng		5.000		5.000	2022
10	Cải tạo, nâng cấp chỉnh trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000		30.000	2021-2025